

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Đ

Địa chỉ: A Trần Hưng Đ, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K – Phó tổng giám đốc (Văn bản ủy quyền số 359/2018/UQ-SeABank ngày 20/4/2018).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quang T – Giám đốc chi nhánh Nghệ An (Văn bản ủy quyền số 10171/2018/UQ-SeABank ngày 03/8/2018); Ông Hà Văn Th – Chuyên viên XLN miền Trung (Văn bản ủy quyền số 10050/2019/UQ-SeABank ngày 18/7/2019)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T – Sinh năm 1980 (Đã có văn bản ủy quyền cho bà Thuận ngày 24/7/2020) và Bà Nguyễn Thị Th – Sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Trung V, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Th và Ngân hàng Đ có kí Hợp đồng tín dụng từng lần số 118.01.2018/HĐTD-SBNA ngày 19/01/2018 với số tiền vay là 250.000.000 đồng thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 22/01/2018, mục đích để thanh toán tiền sửa chữa nhà và Hợp đồng tín dụng từng lần số 150.04.2018/HĐTD-SBNA ngày 27/4/2018 với số tiền vay 440.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày 27/4/2018, mục đích để mua xe ô tô.

2.2. Vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả cho

Ngân hàng Đ toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 26/8/2020 là 630.133.704đ (Sáu trăm ba mươi triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm linh tư đồng), trong đó tiền nợ gốc là 546.457.867đ (Năm trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng), nợ lãi là 83.675.837đ (Tám mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi bảy đồng) theo 02 hợp đồng nói trên, cụ thể:

- Đối với Hợp Đồng Tín Dụng Từng Lần số 118.01.2018/HĐTD-SBNA ngày 19/01/2018 phải trả tổng số tiền là 195.152.267đ (Một trăm chín mươi lăm triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc 190.840.796đ (Một trăm chín mươi triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi 4.311.471đ (Bốn triệu, ba trăm mười một nghìn, bốn trăm bảy mươi một đồng).

- Đối với Hợp Đồng Tín Dụng Từng Lần số 150.04.2018/HĐTD-SBNA ngày 27/04/2018 phải trả tổng số tiền 434.981.437đ (Bốn trăm ba mươi tư triệu, chín trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc 355.617.071đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, không trăm bảy mươi một đồng), nợ lãi 79.364.366đ (Bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng).

2.3. Vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Th phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 27/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Tuấn và bà Thuận phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.4. Trường hợp nếu ông Tuấn và bà Thuận không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Đ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK142364, số vào sổ cấp GCNQSD đất: CH00728 do UBND huyện Nghi Xuân cấp ngày 01/8/2017 mang tên Trần Văn T, có địa chỉ tại: Thôn Trung Vân, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc thửa đất số: 481 tờ bản đồ số 11, diện tích đất 552m², hình thức sử dụng: sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất ở: 481,8m², đất trồng cây lâu năm: 70,2m², thời hạn sử dụng đất: Đất ở: Lâu dài, Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 15/10/2043 theo Hợp đồng thế chấp số 118/01/2018/HĐTC-SBNA ngày 22/01/2018.

- Xe ô tô con màu nâu vàng 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu: Toyota, số loại: Vios G, số khung 9F31J5038478, số máy: 2NRX304165, Biển kiểm soát số 38A-181.19 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023142 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 27/4/2018 mang tên Trần Văn T theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 150.04.2018/HĐTC-ĐS/SBNA ngày 04/5/2018.

2.5. Trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để trả nợ thì vợ chồng ông T và bà Th phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ

cho đến khi tất toán khoản nợ.

2.6. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, tiểu mục c, mục 1, phần II danh mục án phí lệ phí Tòa án tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện nộp 14.602.674,1đ (Mười bốn triệu, sáu trăm linh hai nghìn, sáu trăm bảy mươi tư phẩy một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000179 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND H. Nghi Xuân;
- Chi cục THADS H. Nghi Xuân;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký, Đóng dấu)

Đặng Thị Hương